

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 41
8. Phụ lục 1	42
9. Phụ lục 2	43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 393 1000 – 393 2821
- Fax : +84 (0296) 393 2446 – 393 2099

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; bán buôn thực phẩm; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; sản xuất chè; sản xuất cà phê; sản xuất hạt nêm, gia vị, bột ngọt, bột cà ri, bột ngũ vị hương, bột khô bò, bột xáo, hạt tiêu, bột tiêu, bột ớt; cháo ăn liền; sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; đầu tư cơ ở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Văn Thá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2020
Bà Cao Thị Thu Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phù Chí Khai	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Bà Dương Ngọc Diễm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Khánh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Vân Loan – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2022



Số: 1.0615/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cừu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cừu Long An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

Nguyễn Quốc Ngữ - Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		923.497.792.207	1.079.386.384.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	85.168.872.281	36.895.198.710
1. Tiền	111		85.168.872.281	36.895.198.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.433.802.691	207.970.501.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	128.972.548.600	181.129.434.033
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.512.967.319	4.263.965.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	6.300.000.000	20.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.162.357.471	6.340.279.135
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.514.070.699)	(4.563.176.679)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		639.000.317.095	779.411.662.209
1. Hàng tồn kho	141	V.7	639.000.317.095	779.411.662.209
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.894.800.140	55.109.021.780
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	219.635.604	568.487.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.675.164.536	54.540.534.570
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

0300
CỔ
SÁCH NI
EM TOA
A
TÍNH -

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.201.745.901	342.721.856.743
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		202.611.399.243	227.618.035.697
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	166.908.764.029	189.944.585.403
- Nguyên giá	222		450.510.786.307	445.214.179.387
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(283.602.022.278)	(255.269.593.984)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	35.702.635.214	37.673.450.294
- Nguyên giá	228		58.779.410.862	58.779.410.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.076.775.648)	(21.105.960.568)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.104.041.243	8.833.051.083
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	6.104.041.243	8.833.051.083
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		101.000.000.000	101.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12b	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12b	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12b	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12a	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.486.305.415	5.270.769.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.094.559.266	4.974.223.627
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.391.746.149	296.546.336
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.239.699.538.108	1.422.108.241.331

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		668.767.225.416	858.838.239.131
I. Nợ ngắn hạn	310		668.767.225.416	858.838.239.131
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	71.607.801.378	47.792.588.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	25.916.749.909	9.696.751.105
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.757.629.146	2.359.673.392
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.555.769.449	7.973.143.830
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	9.186.360.297	2.507.818.081
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	25.550.953.546	1.656.142.757
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	524.172.502.564	786.832.662.599
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.459.127	19.459.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-01
 C
 Ồ CHỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		570.932.312.692	563.270.002.200
I. Vốn chủ sở hữu	410		570.932.312.692	563.270.002.200
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	501.590.190.000	501.590.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		501.590.190.000	501.590.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	15.520.224.200	15.520.224.200
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	13.724.355.427	13.724.355.427
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	40.097.543.065	32.435.232.573
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.339.821.173	32.435.232.573
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		37.757.721.892	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.239.699.538.108	1.422.108.241.331


Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022


Trần Thị Văn Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.171.377.078.815	946.643.641.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.232.294.400	5.184.641.088
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.161.144.784.415	941.459.000.134
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.030.765.801.758	811.028.506.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.378.982.657	130.430.493.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.899.345.050	14.119.109.459
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	30.883.732.355	40.469.097.993
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.055.798.773	38.913.109.096
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	42.353.752.099	36.769.681.498
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.823.778.285	26.141.250.155
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.217.064.968	41.169.573.223
11. Thu nhập khác	31		30.010.000	454.545
12. Chi phí khác	32	VI.8	301.091.623	1.204.521.068
13. Lợi nhuận khác	40		(271.081.623)	(1.204.066.523)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.945.983.345	39.965.506.700
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	6.283.461.266	2.348.412.030
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(1.095.199.813)	481.402.444
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>37.757.721.892</u>	<u>37.135.692.226</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập



An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.945.983.345	39.965.506.700
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	30.420.751.454	31.294.304.351
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(49.105.980)	(14.880.600)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	799.130.747	69.843.404
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(1.923.647.136)	(10.174.486.849)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	29.055.798.773	38.913.109.096
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.248.911.203	100.053.396.102
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		50.474.364.395	24.080.847.393
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		140.411.345.114	(208.393.950.270)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		46.109.347.173	(56.470.210.679)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		228.515.967	794.085.898
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(29.166.578.646)	(38.968.981.417)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.890.004.320)	(11.036.786.531)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		306.415.900.886	(189.941.599.504)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(2.685.105.160)	(11.846.733.603)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.200.000.000)	(20.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	70.000.000	6.129.180.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.884.894.840	(26.517.553.603)

0300
CỔ
HÁCH
IỂM T
V BÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	1.466.021.466.307	1.535.005.274.604
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(1.728.772.300.342)	(1.337.532.982.242)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 21	(6.895.368.510)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(269.646.202.545)	197.472.292.362
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.654.593.181	(18.986.860.745)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.895.198.710	55.888.423.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(380.919.610)	(6.363.787)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	85.168.872.281	36.895.198.710

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập



An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

4498
NG
NHỆM
DÂN VÀ
&
-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; nuôi trồng thủy sản; chế biến thức ăn thủy sản; chế biến thức ăn gia súc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á có trụ sở chính tại lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến và nuôi trồng thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.062 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 546 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là trái phiếu được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

0300
CỔ
RÁCH
KIỂM T
A
BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa, bảo trì. Chi phí sửa chữa, bảo trì phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.595.566.084	3.456.703.974
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	77.573.306.197	33.438.494.736
Cộng	<u>85.168.872.281</u>	<u>36.895.198.710</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>25.247.435.650</i>	<i>646.964.450</i>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	21.523.019.650	646.964.450
Ông Trần Tuấn Khải	3.724.416.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>103.725.112.950</i>	<i>180.482.469.583</i>
Grupo Almos S.A.DEC.V	4.904.550.000	4.975.912.500
Quwat Albahr For Trading	5.102.532.792	20.823.575.994
Comercializadora Mexico Americana S.DER.L DECV	27.663.521.760	37.983.152.337
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	8.918.910.000	9.048.682.500
Piau Kee Live & Frozen Seafood Sdn	4.652.802.000	32.675.304.480
Alliance Foods Company LLC	9.145.982.160	13.187.606.250
Ông Nguyễn Văn Long	-	14.186.158.245
Ông Nguyễn Chí Hân	-	14.723.154.750
Các khách hàng khác	43.336.814.238	32.878.922.527
Cộng	<u>128.972.548.600</u>	<u>181.129.434.033</u>

Toàn bộ công nợ phải thu cuối năm có tổng giá trị ghi sổ là 128.972.548.600 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Công ty TNHH Xây dựng Song Thanh Tiến	729.100.000	1.796.022.600
Công ty TNHH Kiểm định Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Nam Mekong	2.210.300.200	-
Các nhà cung cấp khác	1.642.216.419	1.536.592.100
Cộng	<u>5.512.967.319</u>	<u>4.263.965.400</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á (là bên liên quan) vay với lãi suất theo từng lần nhận nợ.

15-C
Y
ĐU HAN
TU VAN
C
ĐCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	5.898.953.985	-	4.015.580.822	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á:				
- Lợi nhuận được chia	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
- Lãi cho vay	1.898.953.985	-	15.580.822	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.263.403.486	-	2.324.698.313	-
Tiền lãi ứng trước	619.430.200	-	619.430.200	-
Lãi trái phiếu	-	-	29.726.027	-
Tạm ứng	3.446.946.953	-	1.325.621.576	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	197.026.333	-	349.920.510	-
Cộng	10.162.357.471	-	6.340.279.135	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Kanpa International Sales - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	1.646.001.000	-	Trên 3 năm	1.669.950.750	-
Promark F.Z.E (Promark General Trading) - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	347.707.080	-	Trên 3 năm	352.766.310	-
Phải thu các tổ chức khác - phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	18.474.979.053	16.885.967.134	Trên 3 năm	18.650.256.105	17.041.147.186
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - trả trước người bán	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.094.479.000	163.128.300	Trên 3 năm	1.015.132.000	83.781.300
Phải thu các cá nhân khác - phải thu khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	65.113.649	65.113.649	Trên 3 năm	22.436.995	22.436.995
Cộng		21.628.279.782	17.114.209.083		21.710.542.160	17.147.365.481

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.563.176.679	4.578.057.279
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(49.105.980)	(14.880.600)
Số cuối năm	4.514.070.699	4.563.176.679

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.115.703.509	-	28.176.984.743	-
Công cụ, dụng cụ	9.805.415.633	-	6.171.086.594	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	228.149.778.443	-	362.859.640.853	-
Thành phẩm	355.249.531.103	-	376.926.187.329	-
Hàng gửi đi bán	21.679.888.407	-	5.277.762.690	-
Cộng	639.000.317.095	-	779.411.662.209	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số nguyên liệu, vật liệu, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho cuối năm có tổng giá trị ghi sổ là 580.962.971.095 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	56.666.664	240.583.332
Chi phí sửa chữa, bảo trì	162.968.940	327.903.878
Cộng	219.635.604	568.487.210

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	268.360.664
Chi phí sửa chữa, bảo trì	5.094.559.266	4.549.766.307
Chi phí lắp đặt	-	156.096.656
Cộng	5.094.559.266	4.974.223.627

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	147.525.300.566	290.681.493.415	5.441.756.516	1.565.628.890	445.214.179.387
Mua trong năm	584.320.000	429.727.273	701.272.727	-	1.715.320.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.698.795.000	-	-	-	3.698.795.000
Giảm khác	(117.508.080)	-	-	-	(117.508.080)
Số cuối năm	151.690.907.486	291.111.220.688	6.143.029.243	1.565.628.890	450.510.786.307
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.374.957.186	100.916.731.758	2.870.409.244	1.355.329.805	132.517.427.993
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	78.120.021.438	172.006.695.274	3.738.474.599	1.404.402.673	255.269.593.984
Khấu hao trong năm	8.094.088.294	19.809.090.961	489.108.232	57.648.887	28.449.936.374
Giảm khác	(117.508.080)	-	-	-	(117.508.080)
Số cuối năm	86.096.601.652	191.815.786.235	4.227.582.831	1.462.051.560	283.602.022.278
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	69.405.279.128	118.674.798.141	1.703.281.917	161.226.217	189.944.585.403
Số cuối năm	65.594.305.834	99.295.434.453	1.915.446.412	103.577.330	166.908.764.029
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 118.270.188.298 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.461.610.862	317.800.000	58.779.410.862
Số cuối năm	58.461.610.862	317.800.000	58.779.410.862
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	317.800.000	317.800.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	20.788.160.568	317.800.000	21.105.960.568
Khấu hao trong năm	1.970.815.080	-	1.970.815.080
Số cuối năm	22.758.975.648	317.800.000	23.076.775.648
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.673.450.294	-	37.673.450.294
Số cuối năm	35.702.635.214	-	35.702.635.214
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 24.346.611.883 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	8.833.051.083	2.040.000.000	(2.859.680.000)	(1.909.329.840)	6.104.041.243
- Quyền khai thác đất bãi bồi vùng muối Mỹ Hòa Hưng	1.744.787.500	-	-	-	1.744.787.500
- Các công trình khác	7.088.263.583	2.040.000.000	(2.859.680.000)	(1.909.329.840)	4.359.253.743
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	839.115.000	(839.115.000)	-	-
Cộng	8.833.051.083	2.879.115.000	(3.698.795.000)	(1.909.329.840)	6.104.041.243

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

12a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty đầu tư 10.000 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá mua là 1.000.000.000 VND, thời gian 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>100.000.000.000</i>	-	<i>100.000.000.000</i>	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á ⁽ⁱ⁾	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>(3.600.000.000)</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>(3.600.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Tô Châu ⁽ⁱⁱ⁾	3.600.000.000	(3.600.000.000)	3.600.000.000	(3.600.000.000)
Cộng	103.600.000.000	(3.600.000.000)	103.600.000.000	(3.600.000.000)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601269529 thay đổi lần 11 ngày 26 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á 100.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(ii) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo Hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02 tháng 02 năm 2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cứu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu. Hiện tại Công ty nắm giữ 3% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tô Châu.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch phát sinh với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán thức ăn	29.121.330.000	83.157.100.000
Bán cá nguyên liệu	29.166.688.300	19.803.212.500
Bán tài sản	-	588.149.500
Cung cấp dịch vụ gia công	7.969.536.000	5.650.725.000
Mua cá nguyên liệu	7.086.166.800	3.828.213.900
Thuê gia công, đóng cont và lưu kho	26.306.369.216	41.063.116.588
Cho vay	48.200.000.000	20.800.000.000
Lãi cho vay	1.883.373.163	15.580.822
Lợi nhuận được chia	-	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại sau bù trừ
Số đầu năm	389.460.866	(92.914.530)	296.546.336
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.095.199.813	-	1.095.199.813
Số cuối năm	1.484.660.679	(92.914.530)	1.391.746.149

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả do các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>12.869.667.643</i>	<i>366.220.702</i>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	4.125.327.643	366.220.702
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	8.744.340.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>58.738.133.735</i>	<i>47.426.367.538</i>
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Khai Anh Bình Thuận	17.869.672.400	5.326.739.000
Công ty TNHH Thiết bị lạnh & Cách nhiệt TST Ông Võ Hồng Phương	-	10.466.738.938
Các nhà cung cấp khác	5.165.016.000	-
Cộng	71.607.801.378	47.792.588.240

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chongqing Guanlei Shuichan Co., Ltd.	1.064.591.000	1.064.591.000
Sanghai Bay Aquatic l	1.103.461.240	1.103.461.240
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyệt Trang	4.645.546.866	1.580.746.873
Nguyễn Văn Long	6.367.985.150	-
Nguyễn Chí Hân	2.487.512.596	-
Các khách hàng khác	10.247.653.057	5.947.951.992
Cộng	25.916.749.909	9.696.751.105

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu : 0%
- Thành phẩm tiêu thụ nội địa : Không chịu thuế, 5%
- Dịch vụ : 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2021 là năm thứ 6 dự án được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2016 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thức ăn thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2021 là năm thứ 4 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2018 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2021 là năm thứ 2 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2019 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2021 là năm thứ 1 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.945.983.345	39.965.506.700
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.198.829.483	3.800.926.839
- Hoàn nhập chi phí lãi vay không được trừ	(2.460.521.473)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(2.645.511.751)	(5.820.635.997)
Thu nhập chịu thuế	48.038.779.604	37.945.797.542
Thu nhập được miễn thuế	-	(10.000.000.000)
Thu nhập tính thuế	48.038.779.604	27.945.797.542
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	9.607.755.921	5.589.159.508
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(2.740.009.413)	(1.046.113.095)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(1.125.877.532)	(2.194.634.383)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.741.868.976	2.348.412.030
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	541.592.290	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.283.461.266	2.348.412.030

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 5.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tháng 13 năm 2021 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	650.171.382	760.951.255
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	3.905.398.159	684.385.930
Chi phí vận chuyển	4.414.250.756	1.017.960.896
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	216.540.000	44.520.000
Cộng	9.186.360.297	2.507.818.081

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.777.319.649	1.634.775.024
Bảo hiểm xã hội	343.751.370	-
Bảo hiểm y tế	62.122.151	-
Bảo hiểm thất nghiệp	13.750.027	-
Cổ tức còn phải trả	23.201.207.515	1.164.625
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	152.802.834	20.203.108
Cộng	25.550.953.546	1.656.142.757

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱ⁾</i>	<i>64.700.000.000</i>	<i>66.480.000.000</i>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>459.472.502.564</i>	<i>720.352.662.599</i>
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	259.662.559.985	345.461.337.311
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	40.300.000.000	42.100.000.000
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ ^(iv)	27.040.800.000	45.847.930.500
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(v)	86.869.142.579	106.919.592.088
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	45.600.000.000	45.900.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang	-	62.946.742.944
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	71.177.059.756
Cộng	<u>524.172.502.564</u>	<u>786.832.662.599</u>

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân có liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra hầm với lãi suất thỏa thuận, theo từng lần nhận nợ nhưng không vượt quá lãi suất vay ngân hàng, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.2, V.7, V.9 và V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại (bao gồm phát hành bảo lãnh) và nhu cầu chi tiêu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.2 và V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất của Công ty và máy móc thiết bị của công ty con (xem thuyết minh số V.2, V.7, V.9, V.10 và VII.1b).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho và chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho ngân hàng (xem thuyết minh số V.2 và V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	720.352.662.599	1.259.031.466.307	90.674.000	(1.520.002.300.342)	459.472.502.564
Vay ngắn hạn các cá nhân	66.480.000.000	206.990.000.000	-	(208.770.000.000)	64.700.000.000
Cộng	786.832.662.599	1.466.021.466.307	90.674.000	(1.728.772.300.342)	524.172.502.564

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Vân Loan	262.999.500.000	262.999.500.000
Ông Trần Tuấn Khanh	23.747.590.000	23.747.590.000
Ông Trần Minh Nhựt	23.153.590.000	23.153.590.000
Ông Trần Tuấn Nam	23.153.590.000	23.153.590.000
Bà Trần Thị Thu Vân	23.153.590.000	23.153.590.000
Các cổ đông khác	145.382.330.000	145.382.330.000
Cộng	501.590.190.000	501.590.190.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.159.019	50.159.019
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu phổ thông	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu phổ thông	50.159.019	50.159.019
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	588.149.500
Doanh thu bán thành phẩm	1.069.380.416.955	855.046.877.402
Doanh thu bán phụ phẩm	94.027.125.860	85.357.889.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.969.536.000	5.650.725.000
Cộng	1.171.377.078.815	946.643.641.222

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.12b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 3.724.416.000 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	821.100.000	1.506.290.000
Hàng bán bị trả lại	9.309.888.000	3.258.186.720
Giảm giá hàng bán	101.306.400	420.164.368
Cộng	10.232.294.400	5.184.641.088

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	588.149.500
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.021.713.775.609	804.938.769.190
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.052.026.149	5.501.588.034
Cộng	1.030.765.801.758	811.028.506.724

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.387.745	17.273.262
Lãi cho vay	1.883.373.163	15.580.822
Lãi trái phiếu	40.273.973	158.906.027
Lợi nhuận được chia	-	10.000.000.000
Lãi trả chậm	2.117.280.259	823.402.857
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.835.029.910	3.103.946.491
Cộng	6.899.345.050	14.119.109.459

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	29.055.798.773	38.913.109.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.028.802.835	1.486.145.493
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	799.130.747	69.843.404
Cộng	<u>30.883.732.355</u>	<u>40.469.097.993</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	17.847.839.529	17.071.407.792
Phí kiểm nghiệm, phí vi sinh	2.306.476.764	415.088.800
Phí vận chuyển	17.482.224.055	14.812.209.145
Các chi phí khác	4.717.211.751	4.470.975.761
Cộng	<u>42.353.752.099</u>	<u>36.769.681.498</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.480.179.272	16.894.534.016
Chi phí đồ dùng văn phòng	192.478.205	166.268.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	656.171.712	656.171.712
Thuế, phí và lệ phí	639.848.129	668.881.257
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(49.105.980)	(14.880.600)
Phí chứng từ	4.799.420.959	1.830.485.823
Các chi phí khác	3.104.785.988	5.939.788.961
Cộng	<u>20.823.778.285</u>	<u>26.141.250.155</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi hỗ trợ	81.800.000	23.500.000
Chi mua quà biếu	103.887.524	354.351.700
Chi nộp phạt	1.015.292	202.118.709
Xóa nợ khó đòi	-	56.653.010
Các chi phí khác	114.388.807	567.897.649
Cộng	<u>301.091.623</u>	<u>1.204.521.068</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	729.537.103.947	832.543.252.154
Chi phí nhân công	101.878.732.557	142.154.438.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.420.751.454	31.294.304.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.970.520.984	78.800.373.267
Chi phí khác	12.099.804.132	9.080.046.358
Cộng	<u>944.906.913.074</u>	<u>1.093.872.414.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

*Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài giao dịch về bán hàng cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Vay	146.650.000.000	86.900.000.000
Trả nợ vay	124.850.000.000	51.100.000.000
<i>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Vay	-	37.150.000.000
Trả nợ vay	23.580.000.000	13.570.000.000

Giá thành phẩm bán cho cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận do Công ty công bố.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2 và V.20.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương	Phụ cấp	Cộng
<i>Năm nay</i>				
Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch Hội đồng quản trị	192.398.000	480.700.000	673.098.000
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	246.174.000	142.600.000	388.774.000
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	154.387.000	48.300.000	202.687.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên Hội đồng quản trị	26.959.127	52.115.873	79.075.000
Ông Phù Chí Khai	Trưởng Ban kiểm soát	107.074.000	62.100.000	169.174.000
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên Ban kiểm soát	29.338.000	20.250.000	49.588.000
Bà Dương Ngọc Diễm	Thành viên Ban kiểm soát	14.660.000	12.000.000	26.660.000
Bà Trần Khánh Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	49.394.000	29.900.000	79.294.000
Cộng		820.384.127	847.965.873	1.668.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

*Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Phụ cấp</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch Hội đồng quản trị	544.618.000	141.600.000	686.218.000
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	343.551.000	52.800.000	396.351.000
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	182.622.000	26.400.000	209.022.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên Hội đồng quản trị	42.231.220	48.381.780	90.613.000
Ông Phù Chí Khai	Trưởng Ban kiểm soát	93.915.000	52.800.000	146.715.000
Bà Phan Thị Cẩm Tú	Thành viên Ban kiểm soát	57.829.000	26.400.000	84.229.000
Bà Trần Khánh Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	73.070.000	7.684.000	80.754.000
Cộng		1.337.836.220	356.065.780	1.693.902.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Mỹ	Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.12b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch mua cá nguyên liệu với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long số tiền 8.744.340.000 VND (năm trước chỉ có phát sinh phí gia công với số tiền 7.244.000.000 VND).

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua nguyên liệu từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

* Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến thức ăn và cá tra fillet đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	627.969.047.260	414.501.866.320
Nước ngoài	533.175.737.155	526.957.133.814
Cộng	<u>1.161.144.784.415</u>	<u>941.459.000.134</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền, Công ty con này có khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.168.872.281	-	-	85.168.872.281
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	108.503.861.467	16.885.967.134	3.582.719.999	128.972.548.600
Các khoản cho vay	6.300.000.000	-	-	6.300.000.000
Các khoản phải thu khác	6.650.296.869	65.113.649	-	6.715.410.518
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	207.623.030.617	16.951.080.783	7.182.719.999	231.756.831.399
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.895.198.710	-	-	36.895.198.710
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	160.456.460.868	17.041.147.186	3.631.825.979	181.129.434.033
Các khoản cho vay	20.800.000.000	-	-	20.800.000.000
Các khoản phải thu khác	4.992.220.564	22.436.995	-	5.014.657.559
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	224.143.880.142	17.063.584.181	7.231.825.979	248.439.290.302

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.674.844,62	228,71	5.335,00	134.759,18	228,71	5.335,00
Phải thu khách hàng	4.088.459,34	-	1.645.874,50	6.057.398,25	-	1.645.874,50
Phải trả người bán	(18.255,10)	-	-	(18.255,10)	-	-
Vay và nợ	(1.186.000,00)	-	-	(1.980.900,00)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	5.559.048,86	228,71	1.651.209,50	4.193.002,33	228,71	1.651.209,50

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với USD, EUR và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 497.131.702.564 VND và 1.186.000 USD (số đầu năm là 740.984.732.099 VND và 1.980.900 USD).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 9.942.634.051 VND (năm trước giảm/tăng 14.819.694.642 VND).

Rủi ro do biến động của lãi suất vay USD đến lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty là không đáng kể do số tiền vay USD nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 128.972.548.600 VND (số đầu năm là 156.073.510.506 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2021.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.168.872.281	-	36.895.198.710	-	85.168.872.281	36.895.198.710
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	128.972.548.600	(3.582.719.999)	181.129.434.033	(3.631.825.979)	125.389.828.601	177.497.608.054
Các khoản cho vay	6.300.000.000	-	20.800.000.000	-	6.300.000.000	20.800.000.000
Các khoản phải thu khác	6.715.410.518	-	5.014.657.559	-	6.715.410.518	5.014.657.559
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	(3.600.000.000)	3.600.000.000	(3.600.000.000)	-	-
Cộng	231.756.831.399	(7.182.719.999)	248.439.290.302	(7.231.825.979)	224.574.111.400	241.207.464.323

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	71.607.801.378	47.792.588.240	71.607.801.378	47.792.588.240
Vay và nợ	524.172.502.564	786.832.662.599	524.172.502.564	786.832.662.599
Các khoản phải trả khác	32.540.370.646	2.529.185.814	32.540.370.646	2.529.185.814
Cộng	628.320.674.588	837.154.436.653	628.320.674.588	837.154.436.653

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022


Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Tho, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 1: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Điều chỉnh thuế các năm trước	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	64.262.388	(64.262.388)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.905.260	(1.905.260)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.348.412.031	-	5.741.868.976	(2.890.004.320)	541.592.290	5.741.868.977	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.178.801	-	101.596.374	(97.833.886)	-	12.941.289	-
Thuế tài nguyên	2.082.560	-	24.601.600	(23.865.280)	-	2.818.880	-
Tiền thuế đất	-	-	582.532.440	(582.532.440)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Cộng	2.359.673.392	-	6.519.767.038	(3.663.403.574)	541.592.290	5.757.629.146	-



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	227.996.750.000	15.520.224.200	13.724.355.427	268.892.980.347	526.134.309.974
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm trước	273.593.440.000	-	-	(273.593.440.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	37.135.692.226	37.135.692.226
Số dư cuối năm trước	501.590.190.000	15.520.224.200	13.724.355.427	32.435.232.573	563.270.002.200
Số dư đầu năm nay	501.590.190.000	15.520.224.200	13.724.355.427	32.435.232.573	563.270.002.200
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	37.757.721.892	37.757.721.892
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(30.095.411.400)	(30.095.411.400)
Số dư cuối năm nay	501.590.190.000	15.520.224.200	13.724.355.427	40.097.543.065	570.932.312.692

Đơn vị tính: VND



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Thị Vân Loan
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 02 BC/GTr.CLAG

(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Sau thuế BCTC kiểm toán năm 2021 so với năm 2020)

Long Xuyên, ngày tháng 03 năm 2022

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên tổ chức niêm yết: CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Mã chứng khoán: ACL

Địa chỉ: Số 90 đường Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang

Giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 so với năm 2020 (theo thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2015)

STT	Chỉ tiêu	BCTC Kiểm Toán năm 2021	BCTC Kiểm toán năm 2020	So sánh năm 2021/ năm 2020
1	BCTC Công ty Mẹ	37.757.721.892	37.135.692.226	Tăng +1,68 %
2	BCTC Hợp nhất	42.088.175.559	28.183.404.907	Tăng + 33,04 %

Nguyên nhân:

1. Lợi Nhuận BCTC công ty mẹ tăng có 1,68% so với cùng kỳ là do trong năm 2020 công ty có ghi nhận một khoản doanh thu hoạt động tài chính được chia từ việc đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Đông Á) được chia 10 tỷ đồng từ lợi nhuận giữ lại sau thuế 2019, nếu loại trừ khoản doanh thu 10 tỷ này thì lợi nhuận BCTC công ty mẹ năm 2021 tăng +39,14% so với cùng kỳ. Năm 2021 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng +23,74%, giá vốn hàng bán tăng +27,09%, do đó lợi nhuận gộp giảm -0,04% so với cùng kỳ, bên cạnh đó chi phí tài chính giảm -23,69%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm -20,34%.

2. Lợi nhuận BCTC hợp nhất tăng +33,04 % so với cùng kỳ là do trong năm 2021 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng +21,64%, giá vốn hàng bán tăng +24,32%, do đó lợi nhuận gộp tăng +2,83% so với cùng kỳ, bên cạnh đó chi phí tài chính giảm -35,06%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm -7.50%.

Trên đây là giải trình về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC kiểm toán năm 2021 so với năm 2020, Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang kính giải trình.

